TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 19/7/2024
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Triệu Thanh Liêm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Trần Văn Phước**

Bà **Dương Thị Tú Phương**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thuý Ngoãn** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Lý Thị Nhiên** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 166/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 203/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh ngày 01/01/1988.

Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh **Huỳnh Văn D**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: A, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị T vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 11/4/2024 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Huỳnh Văn D xây dựng hôn nhân năm 2008, hôn nhân tự nguyện, có đi đăng ký kết hôn theo quy định và được Ủy ban nhân dân P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn 02/8/2008. Quá trình chung sống vợ chồng chị T, anh D xảy ra nhiều mâu thuẫn, không hiểu nhau, không thông cảm cho nhau. Hiện nay, chị T nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị T yêu cầu Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh Huỳnh Văn D.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh D có hai người con chung là Huỳnh Thị Huyền T1, sinh ngày 15/12/2008 và Huỳnh Thị Huỳnh N, sinh ngày 04/5/2011 khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T1 và cháu N.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T có yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, chị Nguyễn Thị T xin rút lại yêu cầu, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng: Bị đơn anh Huỳnh Văn D đã được Toà ánh tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo về việc thu thập tài liệu, chứng cư; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh D vẫn không có mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Toà án.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm*:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự từ khi tham gia tố tụng đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Huỳnh Văn D có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân giữa chị T và anh D là hợp pháp. Quá trình sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Huỳnh Văn D.

+ Về con chung: Giao cháu là Huỳnh Thị Huyền T1, sinh ngày 15/12/2008 và Huỳnh Thị Huỳnh N, sinh ngày 04/5/2011 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh D có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do chị T đã rút yêu cầu nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 214 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu trên của chị C.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. giải quyết.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về Thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với anh Huỳnh Văn D, anh D có địa chỉ tại huyện P. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị T có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh D là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh D xây dựng hôn nhân năm 2008, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, do đó hôn nhân của Chị T, anh D là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị T và anh D cả hai đều bỏ mặt nhau không gặp nhau để hàn gắn lại hôn nhân, chị T xác định không còn tình cảm với anh D, không thể tiếp tục chung sống với nhau được. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa Chị T và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn với anh D.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị T và anh D có hai người con chung là Huỳnh Thị Huyền T1, sinh ngày 15/12/2008 và Huỳnh Thị Huỳnh N, sinh ngày 04/5/2011 khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T1 và cháu N. Về phía anh D, trong quá trình giải quyết vụ án anh D không phản đối với yêu cầu nuôi con của chị T. Xét thấy cháu Huyền T1 và cháu Huỳnh N đều có nguyện vọng sống cùng chị T, nên Hội đồng xét xử giao Huyền T1 và cháu Huỳnh N cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Sau khi ly hôn anh Huỳnh Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở theo quy định tại điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện chị T có yêu cầu anh Huỳnh Văn D cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại biên bản ghi lời khai ngày 22/5/2024 thì chị T xin rút lại yêu cầu trên. Do đó, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết yêu cầu trên của chị T.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí không giá ngạch.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147,217, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị T, cho chị Nguyễn Thị T ly hôn với anh Huỳnh Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu là Huỳnh Thị Huyền T1, sinh ngày 15/12/2008 và Huỳnh Thị Huỳnh N, sinh ngày 04/5/2011 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi 02 cháu tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn anh Huỳnh Văn D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đình chỉ giải quyết yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Nguyễn Thị T

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

5. Về án phí*:* Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Chị Nguyễn Thị T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006843 ngày 06 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được chuyển thu án phí trong giai đoạn thi hành án. Anh D không phải chịu án phí.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính kể từ ngày nhận hoặc niêm yết công khai bản án./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Phước Long;
- THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phong Thạnh Tây B;
- Lưu: Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Văn Phước **Dương Thị Tú Phương** **Triệu Thanh Liêm**